

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2025/HN-ST

Ngày: 25-6-2025

*“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn,
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Thuý Dương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang -
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2025/TLST - HNGĐ, ngày 25/4/2025, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn Sang A, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: ấp P1, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị M, anh Sang A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị M trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Lương Văn Sang A.

Lý do ly hôn: Cả hai quen biết mới tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Mỏ Cày Nam. Trong quá trình sống chung thời gian đầu có hạnh phúc, có 01 con chung. Nhưng sau đó

phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh Sang A không lo cho gia đình, làm có tiền tham gia cờ bạc, chị nhiều lần khuyên nhưng anh Sang A không nghe nên vợ chồng tranh cãi. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh Sang A nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Lương Nguyễn Quốc B, sinh ngày 01/5/2017. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Sang A cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Lương Văn Sang A vắng mặt theo giấy triệu tập, không lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng; bị đơn vắng mặt lần thứ 2, không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M; Về con chung: Lương Nguyễn Quốc B, sinh ngày 01/5/2017. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi con và ghi nhận không yêu cầu anh Lương Văn Sang A cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và về nợ chung: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, anh Lương Văn Sang A vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn, anh Lương Văn Sang A là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt, anh Lương Văn Sang A vắng mặt lần thứ 02, không có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, thấy rằng:

Quá trình tố tụng, chị M vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Anh Sang A vắng mặt, không lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết thông tin: Hôn nhân của anh Sang A và chị M địa phương không rõ cũng không có hoà giải hay giải quyết mâu thuẫn do không có trình báo.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh Sang A là có thật. Nguyên nhân theo chị M bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Sang A thiếu sự quan tâm, chăm sóc và lo cho vợ con, tham gia cờ bạc, chị khuyên nhiều lần nhưng không được, nay chị M xác định không còn tình cảm với anh Sang A và kiên quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm, tuy nhiên anh Sang A không đến Toà, điều đó chứng minh anh Sang A không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Lương Nguyễn Quốc B, sinh ngày 01/5/2017. Khi ly hôn, chị M có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Thấy rằng từ khi sinh ra con đã sống chung với chị M, được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, con gần gũi và cần mẹ chăm sóc hơn. Khi được hỏi ý kiến, con cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên để chị M trực tiếp nuôi con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu nên không xem xét. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị M trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị M trình bày không có, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị M chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Lương Văn Sang A.

2. Về con chung: Lương Nguyễn Quốc B, sinh ngày 01/5/2017. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Lương Văn Sang A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, anh Lương Văn Sang A vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị M trình bày không có, anh Lương Văn Sang A vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị M phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011719 ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng